

Bản án số: 02/2023/HS-PT
Ngày 05 - 01 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh;
Ông Vũ Văn Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Kim Tuyến, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2022/TLPT- HS ngày 31 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo Lê Hồng T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2022/HS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Lê Hồng T, sinh ngày 25/5/1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng C và bà Hạ Thị H (đã chết); có vợ là Đàm Thị L và có 02 con sinh năm 2018 và 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/3/2022 đến ngày 07/4/2022 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt tại phiên tòa).

- *Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hồng T là công nhân của Công ty TNHH P, địa chỉ tại khu công nghiệp K, phường K, thành phố V. Do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của công nhân làm cùng công ty. Khoảng 20 giờ

ngày 29/3/2022, T đến công ty để làm việc theo ca. Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, lợi dụng thời điểm này các công nhân của công ty đang làm việc trong xưởng sản xuất và biết tủ đồ của nhiều công nhân không khóa nên T đến tủ đựng đồ cá nhân của anh Lê Chí H (làm cùng xưởng với T), lấy chìa khóa xe mô tô của anh H. Sau đó, T đi lên tầng 2 nhà gửi xe của công ty, bấm nút điều khiển điện ở chìa khóa xe thấy đèn xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 88L1- 522.57 phát sáng nên T đi đến mở ổ khóa điện, bấm mở cốp xe lấy vé xe rồi điều khiển xe ra cổng đưa vé xe cho bảo vệ của công ty là anh Phạm Văn Vinh. T điều khiển xe của anh H đem về nhà trọ của T ở số nhà 15, đường Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố V để cất giấu. Sau đó, T đi bộ quay lại công ty tiếp tục làm việc.

Đến 21 giờ cùng ngày, bằng cách thức như trên T tiếp tục đi đến tủ đồ của chị Nguyễn Thị Như N, do cửa tủ để đồ không khóa nên T lấy chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 88K1- 406.72 của anh Phạm Văn H (là bạn trai của chị N), sau khi điều khiển chiếc chõ chị N đến công ty và cất xe trong nhà xe của công ty, anh H đưa chìa khóa xe cho chị N cất giữ trong tủ đồ của chị N. Sau đó, T đi đến tầng 2 nhà gửi xe của công ty mở cốp lấy vé xe rồi điều khiển xe đi ra cổng đưa vé xe cho bảo vệ của công ty. T điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đem về nhà trọ của mình cất giấu sau đó đi bộ quay trở lại công ty.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/3/2022, T tiếp tục đến tủ đựng đồ cá nhân của chị Đỗ Thị Bích T thấy tủ đồ không khóa, T lấy chìa khóa xe và vé xe rồi đi lên tầng 2 nhà để xe, bấm nút từ thấy đèn xe biển kiểm soát 88G1- 395.33 nhãn hiệu Honda SH Mode sáng. T điều khiển xe mô tô trộm cắp được của chị T đi xuống khu vực trường THPT Y ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc để tìm quán cầm đồ mục đích cầm cố xe lấy tiền trả nợ và tiêu xài nH không có quán nào mở cửa nên T điều khiển xe đi về phòng trọ của T để cất giấu. Khoảng 05 giờ sáng ngày 30/3/2022, T điều khiển xe SH đi về thôn V, xã T để hỏi cầm cố xe, nH do lo sợ nên T không cầm cố nữa. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, T gọi điện cho anh H bảo trả xe và nhờ anh H báo cho anh H và chị T cùng đến lấy lại xe tại quán nước đối diện công ty nH cả 3 người trên không đồng ý nhận xe và có đơn trình báo Công an về hành vi trộm cắp tài sản của T.

Ngày 30/3/2022, Lê Hồng T tự nguyện giao nộp cho Công an thành phố V 03 xe mô tô mà T đã trộm cắp gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode biển kiểm soát: 88G1- 395.33 và 01 đăng ký xe, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 88L1- 522.57 và 01 đăng ký xe, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 88K1- 406.72 và 01 đăng ký xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 01/4/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: 01 chiếc xe

mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 88K1- 406.72 trị giá 35.000.000đ, 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 88L1-522.57 trị giá 30.000.000đ, 01 chiếc xe mô tô Honda SH mode biển kiểm soát 88G1-395.33 trị giá 43.000.000đ. Tổng trị giá 03 chiếc xe mô tô là 108.000.000đ.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode biển kiểm soát 88G1- 395.33 đăng ký xe mang tên bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ của chị Đỗ Thị Bích T). Sau khi mua xe bà C giao chiếc xe trên cho chị T làm phương tiện đi lại.

Ngày 21/5/2022, Công an thành phố V ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 03 chiếc xe trên cùng đăng ký xe cho các chủ sở hữu, sau khi nhận lại xe, anh H, anh H, bà C không có yêu cầu và đề nghị gì

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2022/HS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Lê Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Lê Hồng T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nH được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/3/2022 đến ngày 07/4/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 20/9/2022 bị cáo Lê Hồng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì bị cáo phạm tội lần đầu do hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, tại thời điểm phạm tội cần tiền để mua thuốc cho bố do bị tai nạn gãy cả hai chân, hiện tại bại liệt phải có người chăm sóc; mẹ bị bệnh nan y nhiều năm chữa trị không khỏi, mới chết; vợ không có nghề nghiệp ổn định; con quá nhỏ, một con sinh năm 2018, một con sinh năm 2022; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo nộp 01 đơn đề nghị trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND xã T, 01 bản sao giấy chứng tử của mẹ bị cáo, 02 bản sao giấy khai sinh của con bị cáo (01 cháu sinh ngày 24/3/2018, 01 cháu sinh ngày 21/9/2022), 01 bản photo sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội hàng tháng đứng tên ông Lê Hồng C (bố bị cáo).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt tù nH cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai, lời nhận tội của bị cáo Lê Hồng T, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 29/3/2022, do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên Lê Hồng T là công nhân của Công ty TNHH P có địa chỉ tại khu công nghiệp K thuộc phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc lấy chìa khóa xe cất trong tủ đựng đồ cá nhân của anh Lê Chí H là công nhân cùng Công ty với T. Sau đó T đi lên tầng 2 nhà để xe của Công ty lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 88L1- 522.57 của anh H rồi mang về phòng trọ của T ở số nhà 15 đường Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố V cất giấu. Trị giá chiếc xe là 35.000.000đ.

Với hành vi và thủ đoạn tương tự như trên, vào khoảng 21 giờ ngày 29/3/2022 và 00 giờ 30 phút ngày 30/3/2022, T tiếp tục trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 88K1- 406.72 của anh Phạm Văn H trị giá 30.000.000đ và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode biển kiểm soát 88G1- 395.33 của chị Đỗ Thị Bích T trị giá 43.000.000đ rồi đem về phòng trọ cất giấu, mục đích mang đi bán. Tuy nhiên do lo sợ nên T không mang đi bán nữa. Đến khoảng 08 giờ ngày 30/3/2022, T đã gọi điện cho các bị hại đến lấy xe tại quán nước đối diện Công ty. Tổng giá trị tài sản của 03 chiếc xe mà T trộm cắp là 108.000.000đ.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo có hành vi “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

[3] Xét kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Hồng T thì thấy:

Trong vụ án này, Lê Hồng T một mình thực hiện tội phạm. Các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng (trị giá tài sản đều dưới 50.000.000đ). Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù là phù hợp pháp luật, phù hợp tính chất mức độ của tội phạm cũng như hậu quả của tội phạm gây ra.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm một số văn bản là 01 đơn đề nghị trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND xã T, 01 bản sao giấy chứng tử của mẹ bị cáo, 02 bản sao giấy khai sinh của con bị cáo (01 cháu sinh ngày 24/3/2018, 01 cháu sinh ngày 21/9/2022), 01 bản photo sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội hàng tháng đứng tên ông Lê Hồng C (bố bị cáo). Như vậy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Mẹ bị cáo đã chết, bố bị tai nạn liệt cả hai chân, là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội, hai con của bị cáo quá nhỏ (01 cháu 04 tuổi, 01 cháu mới 04 tháng tuổi), vợ không có nghề nghiệp ổn định và đang nuôi con mới đẻ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Trong vụ án này, ngay sau khi lấy trộm được xe mô tô, chỉ vài tiếng đồng hồ sau bị cáo nhận thấy sai phạm nên chủ động gọi điện cho các bị hại để trả lại xe. Cho thấy bị cáo thực sự ăn năn hối cải, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Các bị hại đều có đơn xin khoan hồng cho bị cáo. Xét nếu cho bị cáo được hưởng án treo cũng không nguy hại cho xã hội, do đó Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo tạo điều kiện cho bị cáo vừa cải tạo tại địa phương, vừa chăm sóc cho bố bị tàn tật, vợ con mới sinh. Vì vậy chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt NH cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là cơ hội để bị cáo phấn đấu sửa chữa lỗi lầm, tu dưỡng rèn luyện thành người có ích cho xã hội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Hồng T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2022/HS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Lê Hồng T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Hồng T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thanh

Vũ Văn Mạnh

Nguyễn Vĩnh Thành

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND TP.V;
- VKS TP.V;
- Công an TP.V;
- Chi cục THADS TP.V;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành